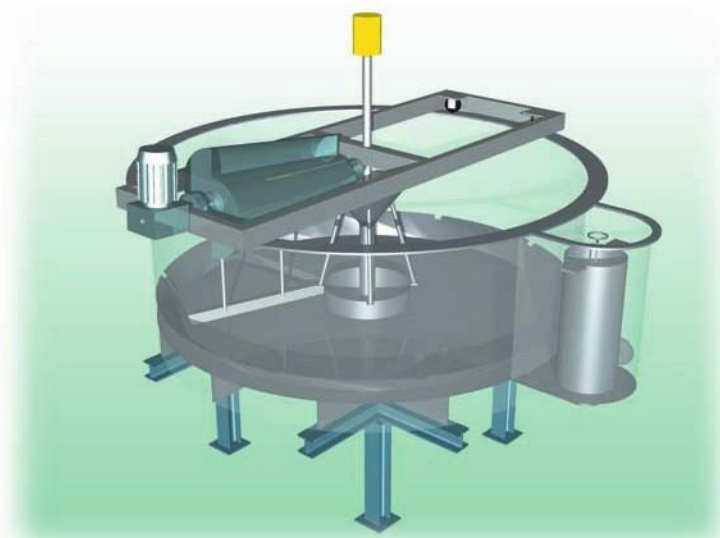


Minicell™

Thiết bị tích hợp keo tụ tạo bông kết hợp lắng, xử lý vi sinh và cô đặc bùn dành cho lưu lượng nhỏ (5 trong 1)



Minicell là bể lắng nhỏ nhất, đơn giản nhất trong các dòng sản phẩm của KWI được thiết kế dành cho lưu lượng nhỏ.

Ưu điểm:

- Thời gian lưu nước **8 phút** thấp hơn **11 lần** so với công nghệ truyền thống có thời gian lưu nước từ **1,5h**.
- Công nghệ lắng ngược giúp **giảm 50%** lượng bùn hóa lý sinh ra với độ ẩm thấp hơn **2 lần** so với công nghệ truyền thống. Nồng độ bùn sau cô đặc đạt **5%**.
- Giá cả cạnh tranh. Vận hành đơn giản.
- Hiệu suất xử lý cao đối với các loại bùn dễ vỡ.
- Minicell có sẵn 3 loại bể với chiều cao khác nhau được lựa chọn tùy theo ứng dụng.
- Hiệu quả xử lý Photpho tổng đạt đến **96%** và Nitơ tổng đạt đến **67%**.
- Tích hợp lắng sinh học, xử lý vi sinh và cô đặc bùn.
- Hiệu suất xử lý vi sinh đạt đến **94%** mà không cần dùng đến hóa chất khử trùng như công nghệ truyền thống.
- Hóa chất châm trực tiếp vào đường ống. Không cần bể khuấy trộn vào tạo bông như các sản phẩm khác.
- Có khả năng xử lý những chất hòa tan như amoni, nitrit, nitrat với hiệu suất lên đến **67%** mà các công nghệ khác không xử lý được.

Ứng dụng:

- Lắng bùn sinh học dư, xử lý vi sinh và cô đặc bùn trước khi đưa vào máy ép bùn (dành cho công trình nhỏ).
- Ứng dụng rất tốt trong trường hợp cần xử lý photpho tổng. Thiết bị này cũng giúp giảm thiểu lượng tiêu thụ hóa chất đến **50%** đối với hệ thống ép bùn.
- Kết hợp xử lý hóa học trong xử lý nước thải công nghiệp như: ngành thực phẩm, đồ uống, dệt nhuộm, giấy, thuộc da ...

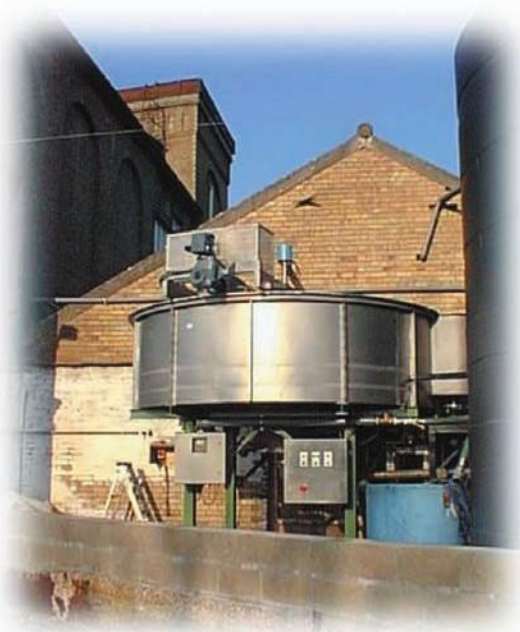
Cấu trúc của **MINICELL** có thể được điều chỉnh tùy theo ứng dụng và đặc tính nước thải.

Độ sâu của bể phụ thuộc vào thành phần chất thải, nồng độ chất rắn đầu vào và yêu cầu của từng ứng dụng.

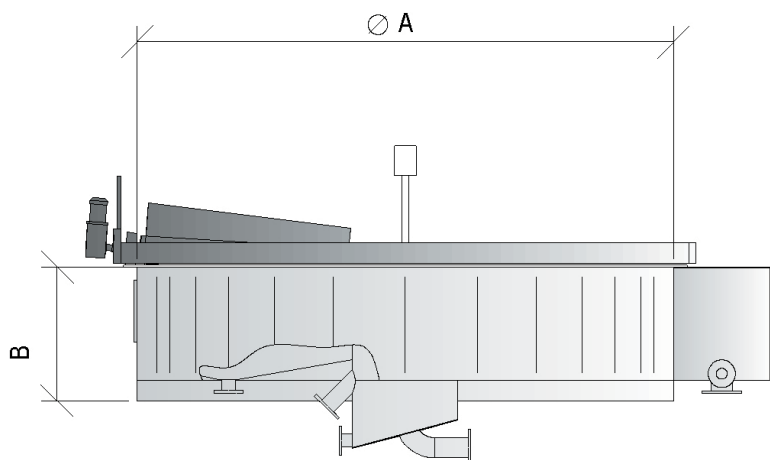
MINICELL có sẵn 10 cỡ với công suất từ **384 đến 10.800 m³/ngày**



MNC 12 - Xử lý nước thải sản xuất thực phẩm



MNC 10 - Xử lý nước thải ngành thuộc da



* Lưu lượng tối đa bao gồm lưu lượng tuần hoàn phụ thuộc vào tải trọng chất rắn lơ lửng và ứng dụng

Chủng loại	Lưu lượng max (m ³ /ngày)*	Động cơ gáo vớt bùn (kW)	Động cơ trục quay (kW)	Đường kính A (mm)	Chiều cao B (mm)	Trọng lượng bể đầy nước (tấn)
MNC 6	384	0,25	-	1.850	1.000/1.500	3/4,3
MNC 8	816	0,25	-	2.400	1.000/1.500	5/7,2
MNC 10	1.440	0,37	-	3.200	1.000/1.500/2.000	8/11,5/15
MNC 12	2.160	0,55	-	3.900	1.000/1.500/2.000	12/18/24
MNC 15	2.760	0,55	-	4.500	1.000/1.500/2.000	15,0/23,0/31
MNC 18	4.320	0,75	0,75	5.500	1.500/2.000	34/46
MNC 20	5.280	0,75	0,75	6.100	1.500/2.000	42/57
MNC 22	6.000	1,5	1,5	6.700	1.500/2.000	51/68
MNC 24	7.200	1,5	1,5	7.200	1.500/2.000	60/85
MNC 30	10.800	2,2	2,2	9.000	1.500/2.000	108/140

KWI Vietnam

Green Eye Environmental Co.,Ltd

Add : 100-102 Điện Biên Phủ, P. Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM

Tel : (028) 38279706 - Fax : (028) 38279707

Email : kwi@gree-vn.com

Website : www.gree-vn.com

Facebook: www.facebook.com/KWI.Vietnam



www.kwi-intl.com



ISO 9001 / 14001 CERTIFIED

Copyright 2018 © KWI International Environmental Treatment GmbH. All Rights Reserved.

No part of this material and/or brochure/catalogue may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording or otherwise, without the prior permission of KWI International Environmental Treatment GmbH. All trademark, marks, indicia, logo, trade name brand name contain in this brochure/catalogue belong to KWI International Environmental Treatment GmbH.